

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy
Ông Đỗ Minh Lắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1972 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995 bà và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có ba con chung nhưng thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không nhường nhịn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cha mẹ hai bên đã hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã

ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Trần Văn V nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Tuấn Phục, sinh ngày 20/01/1996; Trần Tấn Phục, sinh ngày 30/9/1997 và Trần Thảo Lên, sinh ngày 18/11/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 11.213m², tại thửa đất 05, 08, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp 6, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đất do bà với ông Trần Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn bà yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật và bà yêu cầu được nhận đất để có chỗ cất nhà và canh tác sử dụng. Đến ngày 01 tháng 6 năm 2021 bà Nguyễn Thị D nộp đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung bà D yêu cầu tài sản chung tự thỏa thuận, khi nào không thỏa thuận được sẽ khởi kiện chia tài sản chung bằng vụ kiện khác.

Bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn do ông dạy con thì bà D bênh vực nên vợ chồng xảy ra cự cãi nhiều lần và bà D bỏ đi làm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn thì ông Trần Văn V đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Tuấn Phục, sinh ngày 20/01/1996; Trần Tấn Phục, sinh ngày 30/9/1997 và Trần Thảo Lên, sinh ngày 18/11/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:* Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn V là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn V không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị D với ông Trần Văn V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn V xác định có 03 con chung tên Trần Tuấn Phúc, sinh ngày 20/01/1996; Trần Tấn Phúc, sinh ngày 30/9/1997 và Trần Thảo Lên, sinh ngày 18/11/2002, những người con chung đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, bà D yêu cầu tài sản chung tự thỏa thuận. Xét thấy bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp đồng thời ông Trần Văn V không yêu cầu về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn V cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Đã trưởng thành không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 3.181.000 (Ba triệu một

trăm tám mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006303 ngày 11/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đối trừ, bà Nguyễn Thị D được nhận lại 2.881.000 (Hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi